

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: DUNG DỊCH NÁTRI CLORUA (SODIUM CHLORIDE SOLUTION) 0.9%

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất (IUPAC / quốc tế):** Sodium Chloride Solution
- Tên khác:** NaCl solution, dung dịch muối sinh lý
- CAS:** 7647-14-5
- Công thức:** NaCl trong H₂O
- Dạng:** Dung dịch trong suốt, không màu
- Sử dụng đã định:** Thuốc thử trong phòng thí nghiệm, y tế, vệ sinh, pha chế
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**
 - Tên công ty: CÔNG TY TNHH MTV ĐỨC MAI KHÔI
 - Mã số thuế: 0314051291
 - Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:** Không phân loại nguy hại (dung dịch loãng)
- Biểu tượng GHS:** Không yêu cầu
- Câu cảnh báo nguy hiểm:** Không áp dụng
- Câu phòng ngừa:** Mang găng tay và kính bảo hộ khi thao tác phòng ngừa chung

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Tỷ lệ
Sodium chloride (NaCl)	7647-14-5	0.9% w/v
Nước (H ₂ O)	7732-18-5	Phần còn lại

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Không cần biện pháp đặc biệt
- Tiếp xúc da:** Rửa vùng tiếp xúc với nhiều nước
- Tiếp xúc mắt:** Rửa mắt với nước ít nhất 15 phút nếu tiếp xúc
- Nuốt phải:** Uống nhiều nước, theo dõi y tế nếu cần

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Dung dịch không cháy
- Sử dụng bình bột khô, CO₂, bọt hoặc nước xung quanh nếu cháy các vật khác
- Bảo hộ cơ bản: găng tay, kính bảo hộ

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Thu gom dung dịch tràn vào thùng chứa thích hợp
- Xả ra môi trường theo quy định
- Tránh tiếp xúc trực tiếp với lượng lớn

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Sử dụng:** Trong phòng thí nghiệm, y tế hoặc nơi thông gió tốt
- Bảo quản:** Nơi khô, mát, tránh bụi và ánh sáng trực tiếp

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHOI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- Hô hấp:** Không cần biện pháp đặc biệt
- Tay:** Găng tay bảo hộ
- Mắt:** Kính bảo hộ

- **Da:** Quần áo bảo hộ

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Dung dịch lỏng
Màu sắc	Không màu
Mùi	Không mùi
Tan trong nước	Tan hoàn toàn
pH (0.9%)	~6-7
Mật độ	~1.004-1.006 g/mL

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- Ổn định trong điều kiện bình thường
- Tránh tiếp xúc với chất khử mạnh
- Không có phản ứng nguy hiểm đáng kể

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- LD50 (chuột, uống): > 3000 mg/kg (ít độc)
- Không gây kích ứng nghiêm trọng

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- Không độc hại nghiêm trọng với môi trường
- Không tích lũy sinh học
- Hòa tan trong nước, phân hủy tự nhiên

MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Thu gom dung dịch, cho vào thùng chứa thích hợp
- Xử lý theo quy định địa phương

MỤC 14: VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** Không yêu cầu (không nguy hiểm)
- **Loại nguy hiểm:** Không áp dụng
- Tuân thủ ADR/IMDG/IATA

MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

- Tuân thủ TCVN 9487:2012
- Là hóa chất ít nguy hại, dung dịch loãng

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- Ngày phát hành SDS: 26/11/2025
- Tham khảo: Sigma-Aldrich SDS, PubChem
- **Ghi chú:**
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế